

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ÓNG
BỂ CHỨA DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BÈ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Đức	Ủy viên
Ông Hoàng Ngọc Tuyên	Ủy viên
Ông Tô Xuân Mai	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Đức	Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Tuyên	Phó Giám đốc
Ông Tô Xuân Mai	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quốc Trung	Phó Giám đốc
Ông Mai Đình Bảo	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Số: 782 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 32. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí đã tồn đọng trên một năm kể từ thời điểm Công ty nhận bàn giao lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí với số tiền khoảng 40,9 tỷ đồng. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng về khả năng thu hồi đối với các khoản trả trước nói trên. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về mức dự phòng nợ phải thu khó đòi cần thiết phải trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và các ảnh hưởng tới các khoản mục khác của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới vấn đề sau:

Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang có dòng tiền âm từ hoạt động kinh doanh trong năm và công nợ tài chính lớn hơn tài sản tài chính, các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan tới vấn đề này cũng được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ các điều chỉnh có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

A handwritten signature in black ink, appearing to be "ĐTK", written above a horizontal line.

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1924/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÈ CHỨA DẦU KHÍTầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2011
			31/12/2012	(Sau điều chỉnh)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		713.451.038.303	672.058.941.876
I. Tiền	110	6	8.539.869.152	10.240.469.799
1. Tiền	111		8.539.869.152	10.240.469.799
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		475.716.437.950	557.193.533.605
1. Phải thu khách hàng	131	7	379.822.563.328	417.451.354.546
2. Trả trước cho người bán	132	8	76.505.944.979	119.132.521.774
3. Các khoản phải thu khác	135	9	20.152.139.419	21.373.867.061
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(764.209.776)	(764.209.776)
III. Hàng tồn kho	140	10	225.962.237.695	101.835.320.602
1. Hàng tồn kho	141		225.962.237.695	101.835.320.602
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.232.493.506	2.789.617.870
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		253.518.370	660.781.700
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	2.978.975.136	2.128.836.170
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		109.326.741.531	108.455.921.146
I. Tài sản cố định	220		98.388.918.072	95.486.085.936
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	69.051.226.472	25.816.765.180
- Nguyên giá	222		105.928.193.301	55.724.641.974
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.876.966.829)	(29.907.876.794)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	26.831.150.464	31.792.903.508
- Nguyên giá	225		32.829.524.874	32.880.376.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.998.374.410)	(1.087.472.930)
3. Tài sản cố định vô hình	227		75.812.986	160.181.898
- Nguyên giá	228		210.944.167	210.944.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(135.131.181)	(50.762.269)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	2.430.728.150	37.716.235.350
II. Tài sản dài hạn khác	260		10.937.823.459	12.969.835.210
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	7.244.024.459	9.326.036.210
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.693.799.000	3.643.799.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		822.777.779.834	780.514.863.022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

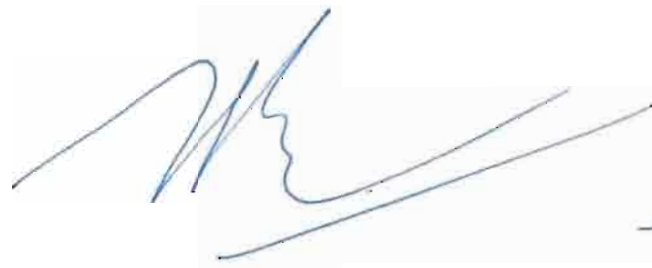
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2012
			(Sau điều chỉnh)	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		607.863.065.379	555.655.790.116
I. Nợ ngắn hạn	310		591.814.479.526	532.726.061.459
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	132.104.226.731	97.571.887.559
2. Phải trả người bán	312	17	126.237.379.176	159.045.625.422
3. Người mua trả tiền trước	313		57.686.974.454	57.699.448.665
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	15.384.454.254	27.517.303.044
5. Phải trả người lao động	315		13.247.680.789	12.281.936.759
6. Chi phí phải trả	316	19	59.674.270.499	1.729.027.784
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	183.384.048.944	177.613.391.402
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.095.444.679	(732.559.176)
II. Nợ dài hạn	330		16.048.585.853	22.929.728.657
1. Vay và nợ dài hạn	334	21	16.048.585.853	22.413.377.515
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	516.351.142
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		214.914.714.455	224.859.072.906
I. Vốn chủ sở hữu	410		214.914.714.455	224.859.072.906
1. Vốn điều lệ	411	22	200.000.000.000	200.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	22	(960.276.200)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	22	5.563.214.059	1.105.152.719
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	22	5.621.379.992	1.163.318.652
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22	4.690.396.604	22.590.601.535
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		822.777.779.834	780.514.863.022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại
 - Đô la Mỹ (USD)

31/12/2012 31/12/2011

294,01 303,32



Trần Ngọc Tú
 Người lập biểu

Ngày 27 tháng 3 năm 2013



Đàm Quang Hưng
 Quyền Trưởng phòng
 Tài chính Kế toán



Nguyễn Hữu Đức
 Giám đốc

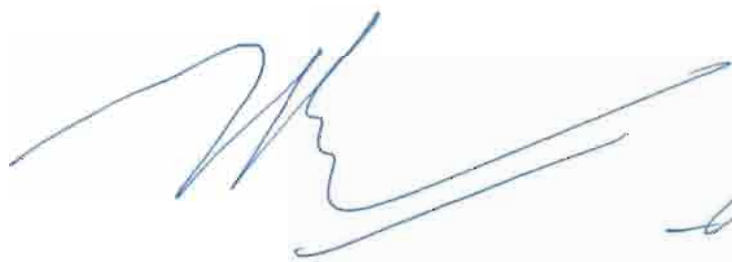
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
				(Sau điều chỉnh)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	663.536.180.092	870.121.869.168
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		663.536.180.092	870.121.869.168
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	608.687.170.173	806.014.838.642
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		54.849.009.919	64.107.030.526
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		165.004.519	459.963.486
7. Chi phí tài chính	22		28.497.998.600	10.251.546.875
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.497.998.600	9.688.190.496
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.703.325.377	24.093.575.019
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		8.812.690.461	30.221.872.118
10. Thu nhập khác	31		3.591.930.184	17.844.429.360
11. Chi phí khác	32		5.859.240.000	1.529.249.717
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	26	(2.267.309.816)	16.315.179.643
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.545.380.645	46.537.051.761
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	1.854.984.041	11.870.735.504
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.690.396.604	34.666.316.257
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	237	1.733



Trần Ngọc Tú
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 3 năm 2013



Đàm Quang Hưng
Quyền Trưởng phòng
Tài chính Kế toán



Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	
		2012	(Sau điều chỉnh)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.545.380.645	46.537.051.761
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.862.648.078	8.480.791.436
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(165.004.519)	(923.633.989)
Chi phí lãi vay	06	28.497.998.600	9.688.190.496
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	47.741.022.804	63.782.399.704
Thay đổi các khoản phải thu	09	80.576.956.689	(89.911.525.467)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(124.126.917.093)	49.367.218.784
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	16.033.736.394	(85.015.108.433)
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.489.275.081	984.165.011
Tiền lãi vay đã trả	13	(28.204.438.667)	(9.580.011.203)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.817.965.915)	(11.596.943.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.308.330.707)	(81.969.804.937)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(15.876.217.969)	(12.408.151.317)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	615.990.909
3. Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	165.004.519	459.498.031
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.711.213.450)	(11.332.662.377)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	210.474.149.919	129.512.450.519
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(176.538.488.961)	(52.855.317.408)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(5.768.113.448)	(10.131.544.354)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.848.604.000)	(25.880.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	24.318.943.510	40.645.588.757
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.700.660.647)	(52.656.878.557)
Tiền đầu năm	60	10.240.469.799	62.897.348.356
Tiền cuối năm	70	8.539.809.152	10.240.469.799

Trần Ngọc Tú
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Đàm Quang Hưng
Quyền Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3500833615 ngày 26 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ hai ngày 09 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND, được chia thành 20.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Công ty có 01 Chi nhánh là Xí nghiệp Xây lắp 5 được thành lập ngày 30 tháng 11 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 769 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 751).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thi công các công trình đường ống, bồn, bể chứa;
- Lắp đặt các hệ thống thiết bị công nghệ, hệ thống thiết bị điều khiển, tự động hóa công nghiệp, lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện và các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác;
- Sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình khí (ngoài biển, đất liền), các công trình thi công xây dựng và dân dụng cảng sông, cảng biển và các công trình công nghiệp khác;
- Kinh doanh đô thị văn phòng; siêu thị và nhà ở;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy đóng tàu, vận tải dầu, khí, hóa chất, nhà máy đóng giàn khoan;
- Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông;
- Đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê, kè, bến cảng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp khác;
- Đầu tư khai thác mỏ (cát đá,...);
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất;
- Chế tạo thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng, dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Mua bán thiết bị xây dựng dầu khí;
- Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (kho chứa, nhiệt điện, thủy điện,...);
- Vận chuyển dầu và khí hóa lỏng, hóa chất;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát thiết kế và xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trong năm 2012, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là âm 10.308.330.707 VND (năm 2011: âm 81.969.804.937 VND) và lưu chuyển tiền thuần của Công ty âm 1.700.600.647 VND (năm 2011: âm 52.656.878.557 VND), khả năng thanh toán bằng tiền các khoản nợ đến hạn thấp làm ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào dòng tiền và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty phần lớn là từ Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng về dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, đặc biệt là khả năng thu hồi các khoản phải thu ngắn hạn từ PVC để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trả, đồng thời tiếp tục thực hiện các giải pháp để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trong tương lai. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là hợp lý.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và xem xét một cách thận trọng về khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu và tin tưởng rằng số trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 6

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính của Ban điều hành Dự án xây dựng công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải nhận bàn giao từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng làm việc cho dự án tại tỉnh Tiền Giang, lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần phát sinh kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010 với số tiền là 5.186.760.000 VND và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong vòng 10 năm. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 10 năm là phù hợp với các quy định về kế toán hiện hành và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất xưởng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty không phải trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình xây lắp mà Công ty thi công.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÈ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 10 năm 2012 về báo cáo tài chính năm 2011 của Kiểm toán Nhà nước, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính năm 2011 theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước. Cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục	31/12/2011	Điều chỉnh hồi tố	31/12/2011	Tham chiếu
	(Trước điều chỉnh)		(Sau điều chỉnh)	
	VND	VND	VND	
TÀI SẢN				
Phải thu khách hàng	193.730.109.299	223.721.245.247	417.451.354.546	(1),(2)
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	187.651.225.957	(187.651.225.957)	-	(1)
Các khoản phải thu khác	6.252.938.265	15.120.928.796	21.373.867.061	(3),(4)
Hàng tồn kho	124.311.529.471	(22.476.208.869)	101.835.320.602	(2)
Tài sản cố định hữu hình				
- Giá trị hao mòn lũy kế	(30.230.953.654)	323.076.860	(29.907.876.794)	(5)
Tài sản cố định thuê tài chính				
- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.378.519.875)	291.046.945	(1.087.472.930)	(5)
Tài sản cố định vô hình				
- Nguyên giá	21.882.167	189.062.000	210.944.167	(6)
- Giá trị hao mòn lũy kế	(4.372.056)	(46.390.213)	(50.762.269)	(5),(6)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	344.115.759	(344.115.759)	-	(7)
NGUỒN VỐN				
Người mua trả tiền trước	62.362.451.673	(4.663.003.008)	57.699.448.665	(2)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.756.992.146	23.760.310.898	27.517.303.044	(1),(9)
Chi phí phải trả	1.620.848.491	108.179.293	1.729.027.784	(8)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.668.669.668	9.921.931.867	22.590.601.535	(7)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Khoản mục	2011	Điều chỉnh hồi tố	2011	Tham chiếu
	(Trước điều chỉnh)		(Sau điều chỉnh)	
	VND	VND	VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	849.727.141.893	20.394.727.275	870.121.869.168	(2)
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	784.031.221.005	21.983.617.637	806.014.838.642	(2),(5)
Chi phí tài chính	10.143.367.582	108.179.293	10.251.546.875	(8)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.357.779.379	(264.204.360)	24.093.575.019	(5)
Thu nhập khác	2.813.886.396	15.030.542.964	17.844.429.360	(3)
Chi phí khác	1.619.635.549	(90.385.832)	1.529.249.717	(4)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.448.719.629	3.422.015.875	11.870.735.504	(9)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(268.401.037)	268.401.037	-	(7)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Khoản mục	2011	Điều chỉnh hồi tố	2011	Tham chiếu
	(Trước điều chỉnh)		(Sau điều chỉnh)	
	VND	VND	VND	
Khấu hao tài sản cố định	9.048.525.028	(567.733.592)	8.480.791.436	(5),(6)
Chi phí lãi vay	9.580.011.203	108.179.293	9.688.190.496	(8)
Thay đổi các khoản phải thu	(38.720.577.381)	(51.190.948.086)	(89.911.525.467)	(1),(2)
Thay đổi hàng tồn kho	26.891.009.915	22.476.208.869	49.367.218.784	(2)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(100.501.338.448)	15.486.230.015	(85.015.108.433)	(1),(9)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍTầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ (Tiếp theo)**

Chi tiết một số điều chỉnh chủ yếu bao gồm:

- (1) Điều chỉnh tăng phải thu khách hàng, giảm phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng do đã ghi nhận doanh thu nhưng chưa xuất hóa đơn và xuất hóa đơn điều chỉnh giảm sản lượng không hợp lý.
- (2) Điều chỉnh tăng doanh thu, tăng phải thu khách hàng, tăng người mua trả tiền trước do điều chỉnh tăng doanh thu các công trình đã đủ điều kiện ghi nhận. Đồng thời tăng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp tương ứng với doanh thu ghi nhận.
- (3) Điều chỉnh tăng thu nhập khác, các khoản phải thu khác do ghi nhận lãi phạt chậm thanh toán theo hợp đồng kinh tế, đối tượng Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.
- (4) Điều chỉnh tăng các khoản phải thu khác và giảm chi phí khác do xóa nợ chưa đúng quy định.
- (5) Điều chỉnh giảm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính, giá trị hao mòn lũy kế do trích khấu hao chưa phù hợp.
- (6) Điều chỉnh tăng tài sản cố định vô hình, giá trị hao mòn lũy kế do hạch toán toàn bộ vào chi phí trong năm.
- (7) Điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại do hạch toán chưa phù hợp.
- (8) Điều chỉnh tăng chi phí tài chính và chi phí phải trả do trích thiếu chi phí lãi vay.
- (9) Ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh hồi tổ nêu trên.

6. TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	345.955.808	213.995.175
Tiền gửi ngân hàng	8.193.913.344	10.026.474.624
	<u>8.539.869.152</u>	<u>10.240.469.799</u>

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	(Sau điều chỉnh) VND
Phải thu các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	289.124.932.631	302.878.267.885
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	41.862.422.589	34.179.683.714
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	5.041.499.853	26.382.663.387
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	4.050.638.082	21.622.068.913
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2	1.699.968.660	1.668.358.913
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Nam	1.191.355.016	4.191.355.016
Ban Quản lý Dự án khí điện đạm Cà Mau	1.432.842.790	1.432.842.790
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.000.000.000	4.679.166.984
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	663.370.123	7.054.256.346
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	309.686.552	219.647.160
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	1.096.707.367
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	547.382.702
Phải thu các khách hàng khác		
Ban Quản lý dự án huyện Côn Đảo	32.774.848.727	9.543.698.346
Các đối tượng khác	670.998.305	1.955.255.023

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (*)	31.350.477.111	32.052.485.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	29.875.441.715	47.592.877.985
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	9.571.061.181	12.111.944.546
Trả trước cho các đối tượng khác		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Anh Minh	2.217.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kim Phúc Thịnh	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	25.600.000.000
Các đối tượng khác	2.791.964.972	1.775.214.243
	76.505.944.979	119.132.521.774

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí đã tồn đọng trên một năm kể từ thời điểm Công ty nhận bàn giao lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí với tổng số tiền là 40.921.538.292 VND. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định các khoản trả trước này sẽ được thu hồi và không phải trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(Sau điều chỉnh) VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	16.643.330.016	16.733.715.848
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	1.901.072.283	2.351.266.344
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Dầu khí	-	1.568.648.713
Phải thu khác	1.607.737.120	720.236.156
	20.152.139.419	21.373.867.061

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(Sau điều chỉnh) VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.357.596.458	3.149.177.280
Công cụ, dụng cụ	1.394.987.051	943.137.605
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	222.209.654.186	97.743.005.717
	225.962.237.695	101.835.320.602
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	225.962.237.695	101.835.320.602

(*) Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định rằng số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là có khả năng thu hồi bằng doanh thu trong tương lai của các hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thi công, do đó, Công ty không có các khoản lỗ tiềm tàng nào phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Báo cáo tài chính

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.576.555.025	35.000.000
Tạm ứng	1.275.984.660	2.027.286.910
Tài sản thiếu chờ xử lý	126.435.451	66.549.260
	2.978.975.136	2.128.836.170

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	1.881.020.194	39.902.302.366	9.134.182.420	4.807.136.994	55.724.641.974
Mua sắm mới trong năm	3.332.837.904	2.837.250.000	536.363.636	264.139.629	6.970.591.169
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	44.191.134.000	-	-	-	44.191.134.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(141.486.827)	(713.487.015)	(854.973.842)
Giảm khác	-	(103.200.000)	-	-	(103.200.000)
Tại ngày 31/12/2012	49.404.992.098	42.636.352.366	9.529.059.229	4.357.789.608	105.928.193.301
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012 (Sau điều chỉnh)	1.604.931.238	22.092.434.839	2.832.415.218	3.378.095.499	29.907.876.794
Khấu hao trong năm	939.394.503	5.308.266.566	1.145.527.030	474.189.587	7.867.377.686
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(141.486.827)	(713.487.015)	(854.973.842)
Giảm khác	-	(43.313.809)	-	-	(43.313.809)
Tại ngày 31/12/2012	2.544.325.741	27.357.387.596	3.836.455.421	3.138.798.071	36.876.966.829
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	46.860.666.357	15.278.964.770	5.692.603.808	1.218.991.537	69.051.226.472
Tại ngày 31/12/2011	276.088.956	17.809.867.527	6.301.767.202	1.429.041.495	25.816.765.180

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 14.500.436.895 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 8.726.969.666 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp xe tải cầu HINO 7 tấn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.119.686.844 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.307.248.152 VND) để đảm bảo cho khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BÈ CHỨA DẦU KHÍTầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<u>Phương tiện vận tải</u>
	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2012	32.880.376.438
Giảm khác	(50.851.564)
Tại ngày 31/12/2012	32.829.524.874
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2012 (Sau điều chỉnh)	1.087.472.930
Khấu hao trong năm	4.910.901.480
Tại ngày 31/12/2012	5.998.374.410
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2012	26.831.150.464
Tại ngày 31/12/2011	31.792.903.508

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhà máy Sản xuất Bình bồn Dầu khí	2.363.328.150	2.363.328.150
Trụ sở Văn phòng làm việc tại Trung tâm Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	-	35.352.907.200
Công trình khác	67.400.000	-
	2.430.728.150	37.716.235.350

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi thế kinh doanh	3.673.955.000	4.192.631.000
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	3.414.463.823	4.932.033.210
Chi phí trả trước dài hạn khác	155.605.636	201.372.000
	7.244.024.459	9.326.036.210

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn		
- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	52.088.522.977	43.567.447.002
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	1.826.515.599	48.237.186.109
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú (iii)	71.824.396.493	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	421.764.000	421.764.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	5.943.027.662	5.345.490.448
	132.104.226.731	97.571.887.559

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍTầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Khoản vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (PVFC Vũng Tàu) theo Hợp đồng tín dụng số 02/2011/HDTDHM-TCĐK-CNVT.TĐ&QLTD ngày 14 tháng 7 năm 2011. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 160.000.000.000 VND, trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất ngắn hạn do PVFC Vũng Tàu công bố tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ (trong năm, lãi suất thay đổi từ 17,5%/năm đến 20%/năm). Số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm 38.536.414.709 VND là gốc vay đã đáo hạn nhưng chưa được Công ty thanh toán.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 0222/HDTD2-VIB622/11 ngày 20 tháng 7 năm 2011. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VND, trong vòng 12 tháng kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2011. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất áp dụng tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ (trong năm, lãi suất thay đổi từ 19,5%/năm đến 20%/năm). Khoản vay này đã đáo hạn nhưng chưa được Công ty thanh toán.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - Chi nhánh An Phú theo Hợp đồng tín dụng số 121.12APU/HMTD.44/1170120.01 ngày 31 tháng 5 năm 2012. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND, trong vòng 12 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2012. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất áp dụng tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ (trong năm, lãi suất thay đổi từ 19,5%/năm đến 20%/năm).

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	15.410.478.937	25.135.412.020
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8.049.698.117	10.585.405.117
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí	7.882.029.013	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.649.966.337	6.649.966.337
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	4.194.095.533	4.751.862.106
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu Khí	3.595.382.900	33.888.197.920
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	3.465.403.662	3.469.411.335
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	2.865.049.083	3.662.444.954
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.031.676.188	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	-	1.236.779.723
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	-	1.182.754.330
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	28.601.494.995	-
Xí nghiệp Vật liệu Xây dựng 125	3.028.746.524	6.646.252.173
Công ty TNHH Công nghiệp	2.432.406.982	8.570.295.228
Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ và Kỹ thuật Liên Á	2.405.461.481	1.527.370.626
Công ty TNHH Hương Lý	2.251.669.543	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng FECON	1.978.837.891	5.978.837.891
Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Bình Dương Sông Tiền	1.820.657.453	-
Công ty TNHH KING's Grating	1.749.976.514	1.069.266.298
Công ty TNHH Thái Minh Hưng	1.413.441.322	263.414.250
Các đối tượng khác	28.410.906.701	44.427.955.114
	<u>126.237.379.176</u>	<u>159.045.625.422</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2012
	(Sau điều chỉnh)			VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	20.657.965.397	16.319.387.362	25.452.834.358	11.524.518.401
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.770.668.978	1.854.984.041	4.817.965.915	3.807.687.104
Thuế thu nhập cá nhân	88.668.669	1.473.290.564	1.509.710.484	52.248.749
Tiền thuế đất	-	111.083.520	111.083.520	-
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
	27.517.303.044	19.765.745.487	31.898.594.277	15.384.454.254

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	31/12/2011
	(Sau điều chỉnh)	(Sau điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí trích trước của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện	59.272.531.273	1.620.848.491
Chi phí lãi vay phải trả	401.739.226	108.179.293
	59.674.270.499	1.729.027.784

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải" (*)	166.867.110.545	166.867.110.545
Cổ tức phải trả	10.271.396.000	6.120.000.000
Kinh phí công đoàn	1.339.966.099	1.192.583.329
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	640.847.190	-
Phải trả tiền thuế thu nhập cá nhân Công ty thu hộ	-	2.320.985.453
Phải trả khác	4.264.729.110	1.112.712.075
	183.384.048.944	177.613.391.402

(*) Theo Quyết định số 576/QĐ-XLĐK ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án giao cho Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí thực hiện dự án "Xây dựng công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải" và Hợp đồng xây dựng số 49/2011/HĐKT-XLĐK/PVC-PVC PT ngày 04 tháng 7 năm 2011 về việc "Quản lý, điều hành, thi công xây dựng các phần việc còn lại của dự án xây dựng công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải", Công ty đã nhận bàn giao dự án và theo đó nhận bàn giao số dư các khoản "Trả trước cho người bán" tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Ban điều hành Dự án Xây dựng Công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải với số tiền là 166.867.110.545 VND và ghi tăng khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam với số tiền tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay dài hạn		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	1.370.736.000	1.792.500.000
Nợ thuê tài chính dài hạn		
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ii)	243.749.720	568.709.720
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (iii)	11.030.891.795	13.147.422.243
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease (iv)	9.768.000.000	12.672.000.000
Cộng	<u>22.413.377.515</u>	<u>28.180.631.963</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng <i>(Được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả	421.764.000	421.764.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	5.943.027.662	5.345.490.448
Số phải trả sau 12 tháng	<u>16.048.585.853</u>	<u>22.413.377.515</u>

- (i) Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0073/2011/HĐTD ngày 22 tháng 8 năm 2011 để đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam, với hạn mức tín dụng là 19.437.767.700 VND, thời hạn vay trong vòng 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị tạm tính là 29.317.900.000 VND, chịu lãi suất áp dụng tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng kế ước nhận nợ (trong năm, lãi suất vay là 20,5%/năm).

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	421.764.000	421.764.000
Trong năm thứ hai	421.764.000	421.764.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	527.208.000	948.972.000
	<u>1.370.736.000</u>	<u>1.792.500.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng <i>(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)</i>	421.764.000	421.764.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>948.972.000</u>	<u>1.370.736.000</u>

Nợ thuê tài chính dài hạn thể hiện các khoản:

- (ii) Thuê tài chính 01 chiếc xe Toyota Camry ký với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing) theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.07.10/HĐCTTC-DK ngày 09 tháng 8 năm 2010. Giá trị tài sản thuê bằng 998.900.000 VND cộng (+) 100% thuế trước bạ. Công ty trả trước cho ACB Leasing số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 0,3% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê trong 3 tháng đầu tiên là 16%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất cho thuê bằng 5,1%/năm cộng (+) lãi suất tiền gửi tiết kiệm theo niêm yết của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu tại thời điểm xác định lãi suất cho thuê tài chính, loại tiền VND, kỳ hạn 13 tháng, lãi cuối kỳ, bậc 2. Thời hạn cho thuê là 36 tháng, kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍTầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(iii) Thuê tài chính tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC) bao gồm hai hợp đồng sau:

- Thuê tài chính 01 chiếc xe cầu bánh lốp 55 tấn hiệu Grove theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2011-00052-000 ngày 22 tháng 7 năm 2011. Giá trị tài sản thuê là 16.978.343.965 VND. Công ty trả trước cho VILC số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 1% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê tạm thời (trong thời gian chưa bắt đầu thanh toán tiền thuê) là 17,5%/năm, sau đó lãi suất cho thuê bằng 2,5%/năm cộng (+) lãi suất cơ bản là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Sở giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch. Thời hạn cho thuê là 60 tháng.
- Thuê tài chính 01 chiếc xe Toyota Fortuner theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2011-00106-000 ngày 13 tháng 10 năm 2011. Giá trị tài sản thuê là 1.113.200.000 VND. Công ty trả trước cho VILC số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 1% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê tạm thời (trong thời gian chưa bắt đầu thanh toán tiền thuê) là 17,5%/năm, sau đó lãi suất cho thuê bằng 2,5%/năm cộng (+) lãi suất cơ bản là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Sở giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch. Thời hạn cho thuê là 60 tháng.

(iv) Thuê tài chính 01 chiếc xe cần trục bánh lốp hiệu Grove ký với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease (Chailease) theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B111132803 ngày 14 tháng 11 năm 2011. Giá trị tài sản thuê là giá mua tài sản thuê và các loại thuế liên quan. Công ty trả trước cho Chailease số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 0,3% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê là lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Thời hạn cho thuê là 48 tháng kể từ ngày bên thuê nhận nợ lần đầu.

Các khoản nợ thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.943.027.662	5.345.490.448
Trong năm thứ hai	6.138.517.711	5.943.027.662
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	8.961.096.142	15.099.613.853
	<u>21.042.641.515</u>	<u>26.388.131.963</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	5.943.027.662	5.345.490.448
Số phải trả sau 12 tháng	<u>15.099.613.853</u>	<u>21.042.641.515</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ÓNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2011	200.000.000.000	-	-	-	23.266.373.035
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	34.666.316.257
Phân phối quỹ	-	-	1.105.152.719	1.163.318.652	(2.268.471.371)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	(20.000.000.000)
Tạm chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	(12.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(997.901.664)
Giảm khác	-	-	-	-	(75.714.722)
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012	200.000.000.000	-	1.105.152.719	1.163.318.652	22.590.601.535
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.690.396.604
Phân phối quỹ (*)	-	-	4.458.061.340	4.458.061.340	(8.916.122.680)
Mua cổ phiếu quỹ (**)	-	(960.276.200)	-	-	-
Chia cổ tức còn lại năm 2011 (*)	-	-	-	-	(8.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(5.674.478.855)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	200.000.000.000	(960.276.200)	5.563.214.059	5.621.379.992	4.690.396.604

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 1.233.433.483 VND;
- Trích quỹ dự phòng tài chính: 1.233.433.483 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.201.802.702 VND;
- Chia cổ tức: 20.000.000.000 VND.

Theo Nghị Quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 11 năm 2011, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2011 cho các cổ đông bằng 6% vốn điều lệ tương đương 12.000.000.000 VND. Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện chia cổ tức còn lại năm 2011 cho các cổ đông với số tiền là 8.000.000.000 VND.

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị mở rộng ngày 24 tháng 12 năm 2012, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thống nhất tạm trích lập các quỹ như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 3.224.627.857 VND;
- Trích quỹ dự phòng tài chính: 3.224.627.857 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.472.676.153 VND;

Các cổ đông của Công ty sẽ phê duyệt phương án cuối cùng về việc trích lập các quỹ tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.

(**) Công ty đã mua lại 178.490 cổ phiếu với giá bình quân 5.380 VND/cổ phiếu trong thời gian từ ngày 15 tháng 02 năm 2012 đến ngày 15 tháng 5 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÀU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 09 tháng 6 năm 2011, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 200.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	102.000.000.000	51	102.000.000.000	102.000.000.000
Các cổ đông khác	98.000.000.000	49	98.000.000.000	98.000.000.000
	200.000.000.000	100	200.000.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2012	31/12/2011
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	178.490	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	19.821.510	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012	2011
	VND	(Sau điều chỉnh) VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	662.272.099.253	869.123.067.994
Doanh thu hoạt động khác	1.264.080.839	998.801.174
	663.536.180.092	870.121.869.168

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012	2011
	VND	(Sau điều chỉnh) VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	607.440.076.330	805.074.823.177
Giá vốn hoạt động khác	1.247.093.843	940.015.465
	608.687.170.173	806.014.838.642

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012	2011
	(VND)	(Sau điều chỉnh) VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	154.123.503.650	212.521.446.880
Chi phí nhân công	136.463.277.105	141.548.643.422
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.862.648.078	8.480.791.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	443.427.888.634	409.115.139.478
Chi phí khác	3.979.826.552	9.294.883.825
	750.857.144.019	780.960.905.041

26. (LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC

	2012	2011
	(VND)	(Sau điều chỉnh) VND
Thu từ thanh lý công cụ, dụng cụ	1.612.326.615	615.990.909
Hỗ trợ của khách hàng	1.408.148.338	2.081.743.326
Xử lý quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	429.766.130	-
Tiền thu phạt vi phạm hợp đồng, phạt chậm thanh toán	141.488.000	15.030.542.964
Thu nhập khác	201.101	116.152.161
Thu nhập khác	3.591.930.184	17.844.429.360
Giá vốn các công trình đã quyết toán từ các năm trước	3.836.339.863	-
Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ thanh lý	1.568.648.713	334.751.053
Thuế GTGT không được khấu trừ	-	1.104.891.003
Chi phí khác	454.251.424	89.607.661
Chi phí khác	5.859.240.000	1.529.249.717
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	(2.267.309.816)	16.315.179.643

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	(VND)	(Sau điều chỉnh) VND
Lợi nhuận trước thuế	6.545.380.645	46.537.051.761
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	874.555.520	4.017.753.565
Trừ: Chênh lệch tính thuế của chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	-	1.659.614.091
Thu nhập chịu thuế	7.419.936.165	48.895.191.235
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.854.984.041	12.223.797.809
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại	-	(353.062.305)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.854.984.041	11.870.735.504

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012	2011
	(Sau điều chỉnh)	
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.690.396.604	34.666.316.257
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.822.010	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	237	1.733

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Chi phí thuê hoạt động đã được Công ty ghi nhận trong năm là 604.322.560 VND, thể hiện:

- Hợp đồng thuê mặt bằng sản xuất với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, diện tích thuê là 10.000 m² tại số 1738, đường 30/4, khu Phước Cơ, phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê 20.400 VND/m²/năm, mục đích là làm kho và xưởng cơ khí nhỏ, thời hạn thuê đến hết ngày 01 tháng 01 năm 2016.

- Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 520/HĐKT ngày 08 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC). PVC-IC cho PVC-PT thuê quyền sử dụng đất với diện tích thuê 1.469 m² tại số 35G đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu. Thời hạn thuê là 2 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2011. Giá thuê quyền sử dụng đất được tính trên cơ sở giá trị cốt tức thực trả hàng năm mà PVC-IC trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) cho phần vốn góp của PVC tính trên giá trị lô đất là 4.407.000.000 VND. Tỷ lệ trả cốt tức cho PVC hàng năm tạm tính bằng 17% giá trị vốn góp. Thông báo trả cốt tức hàng năm cho cổ đông của PVC-IC sẽ là cơ sở để tính giá thuê.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và số 21 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay và nợ	148.152.812.584	119.985.265.074
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	8.539.869.152	10.240.469.799
Nợ thuần	139.612.943.432	109.744.795.275
Vốn chủ sở hữu	214.914.714.455	224.859.072.906
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,65	0,49

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÈ CHỨA DẦU KHÍTầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(Sau điều chỉnh) VND
Tài sản tài chính		
Tiền	8.539.869.152	10.240.469.799
Phải thu khách hàng và phải thu khác	395.701.683.568	434.989.509.331
Các khoản cầm cố, ký quỹ và ký cược	5.270.354.025	3.678.799.000
Tổng cộng	409.511.906.745	448.908.778.130
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	127.110.171.069	93.597.133.111
Nợ thuê tài chính	21.042.641.515	26.388.131.963
Phải trả người bán và phải trả khác	303.375.885.721	332.032.735.967
Chi phí phải trả	59.674.270.499	1.729.027.784
Tổng cộng	511.202.968.804	453.747.028.825

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍTầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô La Mỹ (USD)</i>	-	-	6.123.724	6.261.048

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ (giảm)/tăng tương ứng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	(2.963.056.252)
VND	-200	2.963.056.252
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND	+200	(2.399.705.301)
VND	-200	2.399.705.301

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan hoặc các khách hàng lớn như trình bày tại Thuyết minh số 31.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỀ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền	8.539.869.152	-	8.539.869.152
Phải thu khách hàng và phải thu khác	395.701.683.568	-	395.701.683.568
Các khoản cầm cố, ký quỹ và ký cược	1.576.555.025	3.693.799.000	5.270.354.025
	405.818.107.745	3.693.799.000	409.511.906.745
31/12/2012			
Các khoản vay	126.161.199.069	948.972.000	127.110.171.069
Nợ thuê tài chính	5.943.027.662	15.099.613.853	21.042.641.515
Phải trả người bán và phải trả khác	303.375.885.721	-	303.375.885.721
Chi phí phải trả	59.674.270.499	-	59.674.270.499
	495.154.382.951	16.048.585.853	511.202.968.804
Chênh lệch thanh khoản thuần	(89.336.275.206)	(12.354.786.853)	(101.691.062.059)
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2011			
Tiền	10.240.469.799	-	10.240.469.799
Phải thu khách hàng và phải thu khác	434.989.509.331	-	434.989.509.331
Các khoản cầm cố, ký quỹ và ký cược	35.000.000	3.643.799.000	3.678.799.000
	445.264.979.130	3.643.799.000	448.908.778.130
31/12/2011			
Các khoản vay	92.226.397.111	1.370.736.000	93.597.133.111
Nợ thuê tài chính	5.345.490.448	21.042.641.515	26.388.131.963
Phải trả người bán và phải trả khác	332.032.735.967	-	332.032.735.967
Chi phí phải trả	1.729.027.784	-	1.729.027.784
	431.333.651.310	22.413.377.515	453.747.028.825
Chênh lệch thanh khoản thuần	13.931.327.820	(18.769.578.515)	(4.838.250.695)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, chênh lệch thanh khoản thuần ngắn hạn của Công ty là âm 89.336.275.206 VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao nhưng cũng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÀU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2012	2011
	VND	(Sau điều chỉnh) VND
Doanh thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	473.968.464.029	595.270.135.991
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	116.213.739.236	120.289.153.523
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	22.027.589.119	-
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	9.615.894.404	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	699.747.431	497.620.638
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	68.614.128	20.105.146.539
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2	-	23.110.435.443
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	10.053.840.478
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	6.590.592.471
Mua hàng, thuê thi công các công trình xây lắp		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	20.094.572.578	22.377.281.153
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	24.152.624.200	23.290.155.774
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu Khí	10.735.248.691	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	5.533.490.945	2.253.100.413
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	2.214.049.456	9.654.950.071
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	166.944.014	1.297.671.152
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	127.461.534	35.352.907.200
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	1.000.000	64.144.344.247
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	-	27.865.058.469
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	-	1.680.563.426
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	-	1.358.232.945
Thu nhập của Ban Giám đốc	3.448.248.362	3.092.312.010
Cổ tức đã trả cho các cổ đông	3.848.604.000	25.880.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(Sau điều chỉnh) VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	289.124.932.631	302.878.267.885
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	41.862.422.589	34.179.683.714
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	5.041.499.853	26.382.663.387
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	4.050.638.082	21.622.068.913
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2	1.699.968.660	1.668.358.913
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Nam	1.191.355.016	4.191.355.016
Ban Quản lý Dự án Khí điện đạm Cà Mau	1.432.842.790	1.432.842.790
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.000.000.000	4.679.166.984
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	663.370.123	7.054.256.346
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	309.686.552	219.647.160
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	1.096.707.367

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐƯỜNG ÓNG BỂ CHỨA DẦU KHÍTầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau (Tiếp theo):

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(Sau điều chỉnh) VND
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	31.350.477.111	32.052.485.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	29.875.441.715	47.592.877.985
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	9.571.061.181	12.111.944.546
Các khoản phải thu khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	16.643.330.016	16.733.715.848
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	15.410.478.937	25.135.412.020
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8.049.698.117	10.585.405.117
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí	7.882.029.013	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.649.966.337	6.649.966.337
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	4.194.095.533	4.751.862.106
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu Khí	3.595.382.900	33.888.197.920
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	3.465.403.662	3.469.411.335
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	2.865.049.083	3.662.444.954
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.031.676.188	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	-	1.236.779.723
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	-	1.182.754.330
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	34.792.916.620
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	177.067.110.545	172.987.110.545
- Phải trả do nhận bàn giao kho LPG Lạnh Thị Vải	166.867.110.545	166.867.110.545
- Phải trả cổ tức	10.200.000.000	6.120.000.000
Các cổ đông khác	71.396.000	-

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

33. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty là xây lắp. Trong năm, công ty không có hoạt động sản xuất, kinh doanh trọng yếu nào khác; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đều liên quan đến hoạt động xây lắp.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh hồi tố theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại báo cáo kiểm toán ký ngày 18 tháng 10 năm 2012 về báo cáo tài chính năm 2011 của công ty như trình bày tại Thuyết minh số 5.



Trần Ngọc Tú
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 3 năm 2013



Đàm Quang Hưng
Quyền Trưởng phòng
Tài chính Kế toán



Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc